

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *106*/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày *14* tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính mới  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2132/TTr-SGTVT ngày 23/10/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải theo Quyết định số 416/QĐ-BGTVT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *12*

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**CHỦ TỊCH**



*Vo Ngọc Thành*  
**Võ Ngọc Thành**



**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

kèm theo Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	
<b>Lĩnh vực đường thủy</b>					
1	Thủ tục dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải	Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, số 17 Trần Hưng Đạo, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai	- Phí sát hạch cấp GCNKNCM thuyền trưởng Hạng ba: + Lý thuyết tổng hợp: 50.000 đồng/lần sát hạch; + Lý thuyết chuyên môn: 50.000 đồng/lần sát hạch; + Thực hành: 90.000 đồng/lần sát hạch; - Phí sát hạch cấp GCNKNCM thuyền trưởng Hạng ba: + Lý thuyết tổng hợp: 70.000 đồng/lần sát hạch; + Thực hành: 80.000 đồng/lần sát hạch; - Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn máy	- Thông tư 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ t Bộ Giao thông vận t - Thông tư 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 sửa đố sung một số điều Thông tư số 56/201 BGTVT ngày 24/10 của Bộ trưởng Bộ thông vận tải;

A

				<p>trường hạng ba:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lý thuyết tổng hợp: 40.000 đồng/lần sát hạch;</li> <li>+ Lý thuyết chuyên môn: 40.000 đồng/lần sát hạch;</li> <li>+ Thực hành: 60.000 đồng/lần sát hạch;</li> <li>- Lệ phí cấp GCNKNCM: 50.000 đồng/giấy.</li> <li>- Lệ phí cấp CCCM: 20.000 đồng/giấy</li> <li>- Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn bằng công nghệ mới (bằng vật liệu PET): 135.000 đồng/giấy.</li> </ul>	
2	<p>Thủ tục Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải</p>	<p>Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công, số 17 Trần Hưng Đạo, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp, đổi GCNKNCM: 50.000 đồng/lần;</li> <li>- Lệ phí cấp, chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/lần.</li> <li>- Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn bằng công nghệ mới (bằng vật liệu PET): 135.000 đồng/giấy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> </ul>